

## **QUY ĐỊNH**

**Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ...../2021/NQ-HĐND ngày ...../..../2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

### **Điều 1. Quy định chung**

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách của từng cấp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

4. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ theo Nghị quyết, Quyết định thành lập được cấp có thẩm quyền.

5. Các nội dung chi khác theo thực tế chưa được quy định mức chi tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định chi tiêu tài chính hiện hành. Kết thúc bầu cử, trong vòng 30 ngày, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và địa phương gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp.

### **Điều 2. Nội dung và mức chi**

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng; chi tổ chức tập huấn phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 27 /2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		
2	Chi bồi dưỡng cuộc họp				
a)	Chi bồi dưỡng các cuộc họp Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp				
-	Chủ trì cuộc họp:	Đồng/người/buổi	200.000	140.000	70.000
-	Thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	100.000	70.000	60.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
b)	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:		Thực hiện chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.		
-	Trưởng đoàn giám sát:	Đồng/người/buổi	200.000	140.000	70.000
-	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Đồng/người/buổi	100.000	80.000	50.000
-	Các đối tượng phục vụ	Đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
3	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử				
a)	Chi xây dựng các văn bản quy		Thực hiện chi theo mức chi quy		

	phạm pháp luật về bầu cử:		định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang		
b)	Chi xây dựng các văn bản liên quan đến công tác bầu cử (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý), gồm: Kế hoạch; Chỉ thị; Nghị quyết; văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo sơ kết, tổng kết				
-	Xây dựng văn bản	Đồng/văn bản	2.000.000	1.400.000	700.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia:		Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Đồng/người/lần	Mức chi 100.000		
+	Xin ý kiến bằng văn bản các chuyên gia	Đồng/người/lần	Mức chi 300.000		
4	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a)	Bồi dưỡng theo mức khoán (theo tháng) đối với các đối tượng sau:				
-	Chủ tịch, các Phó chủ tịch UB bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Đồng/người/tháng	2.000.000	1.400.000	700.000
-	Các thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban	Đồng/người/tháng	1.500.000	1.000.000	500.000
-	Các thành viên Ban bầu cử còn lại	Đồng/người/tháng	1.000.000	700.000	350.000
-	Tổ chuyên viên giúp việc				
+	<i>Tổ trưởng</i>	<i>Đồng/người/tháng</i>	<i>700.000</i>	<i>500.000</i>	
+	<i>Tổ phó</i>	<i>Đồng/người/tháng</i>	<i>600.000</i>	<i>400.000</i>	
+	<i>Chuyên viên giúp việc còn lại</i>	<i>Đồng/người/tháng</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	
b)	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập	Đồng/người/ngày	100.000	70.000	50.000

	tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử.				
c)	Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	Đồng/người/ ngày	150.000	100.000	100.000
5	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a)	Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Đồng/người/ tháng	500.000	350.000	175.000
b)	Các thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các tiểu ban	Đồng/người/ tháng	300.000	210.000	100.000
c)	Các thành viên Ban bầu cử còn lại; tổ chuyên viên giúp việc	Đồng/người/ tháng	200.000	100.000	70.000
6	Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử	Đồng/ngày/ người	80.000	60.000	50.000
7	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử				
a)	Chi khắc dấu				Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu
b)	Chi đóng hòm phiếu				Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.
c)	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử				Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, chi theo hóa đơn, chứng từ thực tế phát sinh, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.
8	Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của Hội đồng bầu cử quốc gia; chi trang thiết bị phục vụ Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia.				Thực hiện theo quy định tại quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và

			quy định của pháp luật hiện hành.
9	Chi công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử; Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiêu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu
10	Chi cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt
11	Chi phí hành chính phục vụ công tác bầu cử: văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử; chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử; chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu; chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử; chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán của cấp có thẩm quyền phê duyệt

### **Điều 3. Thời gian được hưởng hỗ trợ**

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử : Thời gian theo thực tế phục vụ công tác bầu cử; tối đa không quá 05 tháng đối với cấp tỉnh; cấp huyện không quá 03 tháng; cấp xã không quá 02 tháng. Riêng thời gian thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử tối đa không quá 02 tháng.

2. Thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các tổ chuyên viên giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử, cụ thể:

a) Cấp tỉnh: Không quá 10 ngày

b) Cấp huyện: Không quá 05 ngày

c) Cấp xã: Không quá 03 ngày

3. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử (danh sách được hưởng hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền), thời gian được hưởng tối đa:

a) Cấp tỉnh: không quá 05 tháng.

b) Cấp huyện: không quá 03 tháng

b) Cấp xã (chỉ thực hiện hỗ trợ cho Trưởng ban chỉ đạo; Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng ban và Phó ban bầu cử): không quá 02 tháng./.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này thực hiện kể từ ngày ký .

2. Đối với khối lượng công việc các Sở, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Quy định này có hiệu lực; các Sở, ngành, địa phương căn cứ Quy định này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN.

**CHỦ TỊCH**